

Số: 14/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH13;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực Nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 713/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-BVHXXH ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý đối tượng, quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Nội vụ quản lý.

b) Người trực tiếp thực hiện chi trả trợ cấp hoặc tổ chức dịch vụ chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành Nội vụ quản lý.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, thực hiện.

Điều 2. Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý

1. Đối với cấp xã có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên dưới 50 đối tượng: mức chi phí quản lý cố định mỗi xã, phường, đặc khu là 30 triệu đồng/năm;

2. Đối với cấp xã có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 50 đối tượng đến dưới 150 đối tượng: cấp xã được hưởng 100% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm;

3. Đối với cấp xã có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 150 đối tượng đến dưới 400 đối tượng thì tỷ lệ chi phí quản lý được phân bổ trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm như sau:

a) Cấp thành phố: Sở Tài chính 5%, Sở Nội vụ 10%;

b) Cấp xã: 85%.

4. Đối với cấp xã có tổng đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên từ 400 đối tượng trở lên thì tỷ lệ chi phí quản lý được phân bổ trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm như sau:

a) Cấp thành phố: Sở Tài chính 5%, Sở Nội vụ 15%;

b) Cấp xã: 80%.

Điều 3. Mức chi phí chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp, mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp

Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp hoặc thuê tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/BTC tối đa bằng 35% chi phí quản lý theo tỷ lệ của từng cơ quan, đơn vị được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương hằng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá XI, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND - T.Duyên)

CHỦ TỊCH



Võ Văn Minh